TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/DSST
Ngày: 20-9-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn;**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2017/TLST-DS, ngày 09/02/2017, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST-DS, ngày 20/4/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lý Kim C, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Kim C, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh có bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2017 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/12/2016 DL, bà có cho vợ chồng ông Lý Kim C và bà Nguyễn Thị D mượn 60.000.000 đồng, bà giao đủ 60.000.000 đồng cho bà D, ông C nhận với sự chứng kiến của ông Đinh Văn P cán bộ xã B, việc mượn tiền ông C, bà D có viết giấy mượn tiền cho bà, giấy mượn tiền chính bà D viết, bà D còn viết số chứng minh nhân dân của vợ chồng bà, số tiền 60.000.000 đồng hai bên thống nhất không có thỏa thuận lãi suất, thời gian mượn là 01 tháng tính từ ngày 10/12/2016 DL đến ngày 10/01/2017 DL thì bà D, ông C trả lại cho bà. Từ ngày 10/01/2017 DL cho đến nay bà D, ông C không trả.

Nay bà yêu cầu ông Lý Kim C và bà Nguyễn Thị D trả cho bà bằng 60.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của bà D, ông C yêu cầu bà trả bằng 35.000.000 đồng bà không đồng ý và có ý kiến như sau: Biên nhận bà D cung cấp phản tố 05 dòng chữ từ Tư K trở xuống là của bà viết và có nhận 35.000.000 đồng tiền bà D trả theo biên nhận nợ ngày 30/11/2016, ngày bà D trả 35.000.000 đồng cho bà là ngày 07/12/2016 DL tại nhà ông Hồ Văn S và Trương Thị C làm chứng nên bà viết giấy nhận lại tiền, lúc bà viết giấy nhận lại tiền không hàng chữ thứ nhất của bà D, còn mục đích bà D viết hàng chữ thứ nhất để làm gì bà không biết, bà không thấy bà D viết hàng chữ thứ nhất và bà cũng không có nghe bà D vừa đọc, vừa viết, bà D nợ bà một lần bằng 35.000.000 đồng và trả cho bà một lần bằng 35.000.000 đồng, bà không có nhận 35.000.000 đồng vào ngày 08/12/2016 DL như bà D trình bày, nên bà không đồng ý trả 35.000.000 đồng theo yêu cầu của bà D, ông C.

Tại bản tự khai; biên bản hòa giải , biên bản đối chất , đơn khởi kiện (phản tố) và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày.

Bà thừa nhận bà và ông C có mượn và nhận của bà K bằng 60.000.000 đồng tại Ủy nhân dân xã B có ông Đinh Văn P làm chứng, tiền ông bà nhận một lần và ông bà có làm giấy mượn tiền cho bà K giữ vào ngày 10/12/2016 DL, trong giấy mượn tiền bà tự viết và có hứa 01 tháng trả lại tiền cho bà K, thời gian tính từ ngày mượn 10/12/2016 DL đến 10/01/2017 DL, lúc này bà có nói thời gian gấp quá bà không lo tiền trả nổi, bà K còn nói cứ để vậy đi để cho con bà thấy mới cho tiền mua đất *(việc này chỉ nói miệng không có ghi vào giấy mượn tiền)*. Nay bà và ông C đồng ý trả cho bà K bằng 60.000.000 đồng, yêu cầu bà K không tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố: Trước đây bà có nợ bà K bằng 60.000.000 đồng tiền hụi của tất cả dây hụi cộng gọp lại, ngày 05/11/2016 ÂL (nhằm ngày 03/12/2016 DL) bà có đem trả trước cho bà K bằng 35.000.000 đồng, bà K có viết giấy nhận tiền cho bà (biên nhận bà phản tố), bà trả cho bà K bằng 35.000.000 đồng tại nhà bà K, không có trả tại nhà ông S, bà C, sau khi trả tiền và viết giấy nhận tiền xong bà ra về tới cổng bà rọi đèn nhìn thấy trong biên nhận không có ngày, tháng, năm nên bà trở lại nhà bà K nói bà K ghi ngày, tháng, năm, bà K còn nói có mấy ngày là trả đủ rồi ghi làm chi, bà nói không được đâu về chồng bà la, bà K lấy cây viết đưa cho bà ghi, bà vừa ghi, vừa đọc, sau khi ghi xong bà K không có ý kiến gì, bà thừa nhận trong giấy nhận tiền

hàng chữ thứ nhất là do tự bà viết, vài ngày sau bà kiếm đủ 25.000.000 đồng trả cho bà K là đủ 60.000.000 đồng, tiền 25.000.000 đồng bà có nhờ bà C mượn dùm 20.000.000 đồng, bà bù thêm 5.000.000 đồng trả cho bà K tại nhà bà K, bà C không có chứng kiến bà trả cho bà K bằng 25.000.000 đồng, lúc này bà K nói bà đưa biên nhận 35.000.000 đồng (đang phản tố) bà nhận trước ra rồi đồng ý trừ, bà nói biên nhận bà làm mất rồi, bà có nói bà K trừ dùm luôn, bà K không chịu trừ, bà K còn nói khi nào bà tìm được biên nhận thì bà K trừ cho, do không có biên nhận nên bà phải kiếm thêm 35.000.000 đồng trả cho bà K, ngày bà trả thêm cho bà K 35.000.000 đồng là ngày 08/12/2016 DL, không có làm giấy nhận nợ lại nhưng bà có gạch bỏ biên nhận ngày 30/11/2016 trong sổ bà K. Nay bà kiếm được biên nhận và có yêu cầu phản tố buộc bà K trả cho bà, ông C bằng 35.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/11/2016 ÂL (ngày 03/12/2016 DL), bà không yêu cầu tính lãi. Sau khi cấn trừ tiền vay 60.000.000 đồng bà, ông C đồng ý trả cho bà K bằng 25.000.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C đồng ý trả cho bà Lê Thị K tiền vốn vay bằng 60.000.000 đồng. Bà K không yêu cầu tính lãi.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C phản tố yêu cầu bà Lê Thị K trả bằng 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Lê Thị K không đồng ý trả cho bà D và ông C bằng 35.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K buộc bà D, ông C trả cho bà K bằng 60.000.000 đồng do bà K không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông C, bà D, vị đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D và ông C yêu cầu bà K trả bằng 35.000.000 đồng.

Về án phí, chi phí giám định đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C có hộ khẩu thường trú ở ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] *Về nội dung:*

Tại phiên tòa ngày 09/5/2017, bà Nguyễn Thị D xuất trình 01 biên nhận nợ ngày 05/11/2016 ÂL và có yêu cầu bà K trả cho bà và ông C bằng 35.000.000 đồng để bà, ông C cấn trừ vào tiền vay ông bà nợ, Hội đồng xét xử Quyết định tạm ngừng phiên tòa và thông báo cho bà D, ông C làm thủ tục phản tố để giải quyết chung cùng vụ kiện.

- *Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K*: Bà K khởi kiện yêu cầu bà D và ông C trả tiền vay bằng 60.000.000 đồng vào ngày 10/12/2016 DL, bà D thừa nhận *Giấy mượn tiền* ngày 10/12/2016 DL do bà K cung cấp cho Tòa án là do bà viết và ký tên nhận tiền cùng với ông C, do đó, Tòa án xét thấy bà K đã có đủ chứng cứ để chứng minh bà D, ông C có vay và có nhận của bà số tiền 60.000.000 đồng. Vì vậy khi đến hạn trả nợ bà D, ông C không trả nợ đúng hạn là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên bà K khởi kiện yêu cầu bà D, ông C hoàn trả toàn bộ số tiền vốn 60.000.000 đồng là có căn cứ. Do bà K không yêu cầu bà D, ông C trả lãi nên không xem xét.

- *Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C:* Bà D, ông C phản tố yêu cầu bà K trả cho ông bà bằng 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà D, ông C có xuất trình 01 biên nhận nợ ngày 05/11/2016 ÂL. Bà K thừa nhận biên nhận mà bà D, ông C cung cấp từ dòng Tư K trở xuống là của bà viết và bà có nhận 35.000.000 đồng vào ngày 07/12/2016 DL, trong giấy nhận tiền không có ghi ngày, tháng, năm còn ngày 07/12/2016 DL là do bà nhớ, tiền bà nhận là tiền bà D, ông C trả cho bà theo biên nhận nợ ngày 30/11/2016 (bút lục số 68). Qua xem xét biên nhận nợ ngày 30/11/2016 (bút lục số 68) giữa bà D và bà K thống nhất đã trả xong, bà D trình bày đã trả số tiền 35.000.000 đồng cho bà K 02 lần, lần 01 vào ngày 05/11/2016 ÂL (nhằm ngày 03/12/2016 DL) có biên nhận kèm theo và đang phản tố, lần 02 trả vào ngày 08/12/2016 DL không có làm biên nhận. Bà K thừa nhận có nhận 01 lần vào ngày 07/12/2016 DL tại nhà ông S, bà C và để làm tin cho bà D bà có ghi giấy nhận lại tiền, giấy nhận tiền hiện nay bà D, ông C đang phản tố, sự việc này có ông S, bà C làm chứng, do đó, xét thấy lời khai của ông S, bà C có trong hồ sơ phù hợp với lời khai của bà K. Đối với khoản tiền bằng 35.000.000 đồng bà D, ông C trình bày đã trả ngày 08/12/2016 DL cho bà K, qua hòa giải, đối chất và tại phiên tòa bà K không thừa nhận có nhận của bà D, ông C bằng 35.000.000 đồng vào ngày 08/12/2016 DL như bà D trình bày và bà D cũng không có chứng cứ, chứng minh là bà trả cho bà K bằng 35.000.000 đồng vào ngày 08/12/2016 DL. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D, ông C.

[3] *Về án phí*: Xét thấy, bị đơn có đơn xin miễn nộp án phí do hiện nay hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn, xét điều kiệu miễn án phí của bị đơn không thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 nên buộc bị đơn phải chịu án phí tương ứng đối với yêu cầu của

nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và phải chịu án phí tương ứng đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

[4] *Về chi phí giám định*: Buộc bà K phải chịu theo quy đinh.

[5] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K yêu cầu bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C hoàn trả tiền vay bằng 60.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị K tiền vay bằng 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Bà Lê Thị K không yêu cầu tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C yêu cầu bà Lê Thị K trả bằng 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C phải chịu 4.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (95.000.000 đồng x 5%). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D, ông C đã nộp 875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011359 ngày 11/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Kim C còn phải nộp tiếp 3.875.000 đồng.

Bà Lê Thị K không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng tại biên lai thu số 0008603, ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Lê Thị K.

4. Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị K phải chịu 150.000 đồng. Bà K đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm